TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **102**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đúng**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Ông **Trần Văn Đang** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1015/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 ngày 5 tháng 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 206/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng D**,** sinh năm 1978

Địa chỉ: Phòng 201 Lô C, Chung cư A, đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn*: Ông Lê Hoàng P**,** sinh năm 1975

Địa chỉ: C3/23K3 Đường E, ấp F, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D có mặt, ông P vắng mặt không có lý)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/3/2017, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng D trình bày:

Bà và ông Lê Hoàng P bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2003 do tự tìm hiểu, không tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2003. Trong thời gian chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm, không thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, Ông P thường xuyên chửi mắng vợ con, mỗi khi nổi nóng là ông P la mắng hay ném áo quần của vợ ra ngoài dẫn đến không hạnh phúc. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, bà và ông P đã sống ly thân với nhau hơn 03 năm nay. Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông P

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 08/9/2003 và Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 14/8/2013. Hiện nay trẻ N và trẻ A đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi trẻ N và trẻ A, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/trẻ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận không có

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại các bản tự khai ngày 13/11/2017 và các biên bản hòa giải không thành, bị đơn ông Lê Hoàng P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng D bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2003 do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003. Trong thời gian chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm nhưng không lớn và bà D đòi ly hôn nên vợ chồng sống ly thân với nhau hơn 02 năm nay. Từ khi ly thân cho đến nay, hàng tháng ông đều đến thăm con và cấp dưỡng nuôi con cho bà D. Ông xác định vẫn còn yêu thương vợ con, không muốn gia đình chia ly nên ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 08/9/2003 và Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 14/8/2013. Hiện nay trẻ N và trẻ A đang sống với bà D. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà D thì ông đồng ý giao trẻ N và trẻ A cho Bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/trẻ.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận không có. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Hoàng D với ông Lê Hoàng P

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Lê Hoàng N, sinh ngày 08/9/2003 và Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 14/8/2013 cho bà Dung trực tiếp nuôi dưỡng, ông P dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/trẻ/tháng.

- Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Hoàng D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng P. Ông P có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Hoàng D và ông Lê Hoàng P chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 141 quyển số 01/2003 ngày 07/10/2003. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà D và Ông P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.*"

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà D và ông P trình bày ông bà chung sống không hòa hợp, nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Kết quả xác minh của Ban chấp hành Hội phụ nữ Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: trong thời gian chung sống tại Phòng 201 Lô C, Chung cư A, đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh bà D – ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại ông P – bà D không còn chung sống với nhau. Điều này chứng tỏ giữa bà D và ông P đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống

chung cũng không còn ý nghĩa. Ông P yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án, giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu đoàn tụ của ông P là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông P.

[6] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 08/9/2003 và Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 14/8/2013.

[7] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

[8] Bà D và ông P xác nhận hiện nay trẻ Lê Hoàng N và trẻ Lê Hoàng Kim A đang sống với bà D, Ông P đồng ý giao trẻ N và trẻ A cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đối với trẻ Lê Hoàng N thể hiện trẻ N có nguyện vọng sống với bà D sau khi bà D ly hôn với ông P. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ N và trẻ Kim Anh, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Lê Hoàng N và Lê Hoàng Kim A cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,…"*. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*

[10] Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả bà D và ông P. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho trẻ N, trẻ A có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường, ông P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ N và trẻ A. Bà D yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/trẻ/tháng, ông P đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ N, trẻ Kim Anh 2.000.000 đồng/trẻ/tháng. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của bà D và ông P, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc ông P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ N, trẻ A mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng.

[11] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoàng D chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Lê Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng D đối với ông Lê Hoàng P.

1.1. Bà Nguyễn Thị Hoàng D được ly hôn với ông Lê Hoàng P.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 141 Quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2003 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 08/9/2003 và Lê Hoàng Kim A, sinh ngày 14/8/2013.

2.1. Giao trẻ Lê Hoàng N và Lê Hoàng Kim A cho bà Nguyễn Thị Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Lê Hoàng P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Hoàng N và Lê Hoàng Kim A mỗi trẻ mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 (mười lăm) dương lịch của tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 15/8/2018.

Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Ông P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông P xác nhận không có.

4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Thị Hoàng D chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0026976 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

4.2. Ông Lê Hoàng P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND Phường I, Quận J, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Duy Linh